

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-PT

Ngày 24 /7/2017

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp, tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08/6 /2017 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 23/2017/HNGĐ-ST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BG, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2017/QĐ-PT ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Tiến T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Làng BM, xã NL, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Thân Thị P, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn PT, xã SM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Thế O - Luật sư thuộc văn phòng luật sư DG Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: đường NT, quận LB, Hà Nội (Có mặt) .

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1 Chị Thân Thị Thủy L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu A, xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn PT, xã SM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Thân Đức Y, sinh năm 1952 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.2. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1960 (Có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn PT, xã SM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

4.3. Chị Thân Thị Thủy L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu A, xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra còn có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

5. Người kháng cáo: Anh Ngô Tiến T - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/9/2016, bản tự khai và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là Anh Ngô Tiến T trình bày: Năm 2004, anh và Chị Thân Thị P kết hôn. Khi kết hôn, anh chị tổ chức lễ cưới theo truyền thống dân tộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã NL, huyện TY, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa hợp, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2015 vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng. Đến nay, giữa anh và chị P đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng theo thời gian, mặc dù đã được cả hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa anh và chị P không những không giải quyết được và ngày càng trầm trọng hơn. Ngày 06/9/2016 anh và chị P đã bắt đầu sống ly thân, anh về sống tại địa chỉ: Làng BM, xã NL, huyện TY còn chị P sống tại Thôn PT, xã SM, thành phố BG. Nay anh đề nghị cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Ngô Tuấn A, sinh năm 2004. Hiện con chung đang ở với chị P tại xã SM, tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn anh xin được nuôi con chung, hiện tại anh đang làm việc tại công ty VP đảm bảo đủ để nuôi dưỡng con chung trưởng thành. Anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị P có tạo dựng được một số tài sản chung gồm: 01 nhà 02 tầng và một số đồ vật, vật dụng trong nhà. Ngoài ra, vợ chồng còn có công nợ chung. Anh đề nghị phân chia tài sản và công nợ theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2016 anh T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản và công nợ chung. Ngày 09/11/2016 Tòa án có quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của anh T.

Ngày 09/12/2016 anh T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị Tòa án xem xét và giải

quyết quan hệ tài sản, phân chia công nợ cho anh và chị P theo quy định của pháp luật. Tài sản chung yêu cầu chia bao gồm:

- 01 căn nhà 02 tầng, tại địa chỉ: Thôn PT, xã SM, thành phố BG, xây năm 2011 diện tích là 97m²/sàn, giá trị công trình khi mới xây dựng là 900.000.000đồng hiện nay anh ước tính giá trị còn lại của công trình là 750.000.000đồng. Anh đề nghị chia đôi khối tài sản trên và giao nhà cho chị P, đề nghị chị P trích chia cho anh một nửa giá trị tài sản bằng tiền là 375.000.000đồng.

- 01 xe máy SH Việt Nam nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 98B1-956.26, đăng ký chủ sở hữu Thân Thị P, là tài sản chung của hai vợ chồng được mua bằng tiền chung trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2013, giá trị khoảng 55.000.000đồng, đề nghị giao xe cho chị P và yêu cầu chị P phải trích trả cho anh một nửa giá trị tài sản bằng tiền là 27.500.000đồng.

- Cổ phần phổ thông tại Công ty cổ phần MBG, số lượng 4260 cổ phần, trị giá khoảng 42.600.000đồng, cổ phần này đứng tên chị P là tài sản chung của hai vợ chồng, anh yêu cầu được chia một nửa số cổ phần trên trị giá 21.300.000đồng; Cổ phần ưu đãi tại công ty cổ phần MBG số cổ phần là 5.000cổ phần, trị giá 50.000.000đồng, đứng tên Thân Thị P, anh yêu cầu được chia một nửa số cổ phần trên, trị giá 25.000.000đồng.

Ngoài ra, vợ chồng còn một số tài sản chung khác là các vật dụng gia đình như: Tivi, tủ lạnh, điều hòa, máy giặt, bàn ghế, anh ước tính những tài sản này có tổng trị giá khoảng 35.000.000đồng. Anh đề nghị giao các tài sản trên cho chị P và yêu cầu chị P trích chia cho anh một nửa giá trị tài sản bằng tiền là 17.500.000đồng.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị Thanh B 03 chỉ vàng, tương đương 10.000.000đồng, nợ chị Thân Thị Thủy L số tiền 20.000.000đồng, đề nghị chia đôi các khoản nợ.

Vợ chồng có cho anh Ngô Xuân Đ vay 07 chỉ vàng tương đương 24.000.000đồng, anh yêu cầu anh Đ phải trả anh và chị P mỗi người một nửa số nợ là 12.000.000đồng.

Bị đơn Chị Thân Thị P trình bày: Thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ khoảng 2 năm trở lại đây do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đến ngày 07/9/2016 anh T đã bỏ về quê tại Làng BM, xã NL, huyện TY, tỉnh Bắc Giang sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý vì vẫn còn tình cảm và vì chị muốn cho con có một gia đình đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 22/12/2004. Hiện nay cháu A đang sống với chị, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, trường hợp anh T cương quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho

chị nuôi dưỡng cháu A. Hiện nay, chị đang làm Phó giám đốc xí nghiệp thuộc Tổng Công ty Cổ phần MBG, thu nhập bình quân từ 24.000.000đồng đến 25.000.000đồng một tháng. Về vấn đề cấp dưỡng chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung:

- Anh T yêu cầu chia 01 nhà hai tầng tại địa chỉ Thôn PT, xã SM, thành phố BG chị có ý kiến như sau: Đất và nhà trên đất là của bố mẹ chị, năm 2011 bố mẹ chị xây dựng nhà 2 tầng trên đất cho vợ chồng chị ở. Khi bố mẹ chị làm nhà, vợ chồng chị chỉ đóng góp 30.000.000đồng. Chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh T. Toàn bộ đất và nhà trên đất không phải tài sản chung của vợ chồng chị.

- Đối với xe máy SH có biển số 98-B1 956.26 nhãn hiệu Honda là do chị mua bằng tiền lương và thưởng tết của chị năm 2013 nhưng khoảng đầu tháng 9/2016 do cần chi tiêu và chữa bệnh cho bản thân, trong khi anh T không đưa cho chị tiền để chi tiêu nên chị đã bán chiếc xe nói trên cho chị Thân Thị Thủy L với số tiền 30.000.000đồng. Toàn bộ số tiền bán xe chị đã dùng để trang trải học hành cho con, chi tiêu sinh hoạt gia đình và chữa bệnh (mổ u tuyến giáp) của bản thân.

- Đối với yêu cầu chia cổ phần vốn góp tại Công ty cổ phần MBG, chị không có cổ phần vốn góp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị chỉ mua được 5.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại tương ứng với 50.000.000đồng, trong đó của em gái chị Thân Thị Thủy L gửi mua là 10.000.000đồng và mẹ chị gửi mua 10.000.000đồng, thực tế vợ chồng chị chỉ có 30.000.000đồng. Nay chị đồng ý chia cho anh T một nửa cổ phần của 2 vợ chồng là 15.000.000đồng.

- Đối với một xe Dream Thái BKS 98-B1 829.94 đăng ký xe mang tên Vũ Hà C là của 2 vợ chồng mua trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay anh T đang sử dụng, chị đề nghị cho anh T toàn bộ chiếc xe này, không yêu cầu chia.

- Đối với mọi số vật dụng gia đình khác: Tivi, tủ lạnh, điều hòa, máy giặt...nếu anh T yêu cầu chia chị đồng ý chia đôi, trường hợp anh T lấy vật gì trong các vật dụng sinh hoạt trên chị đồng ý cho anh T lấy.

Anh T trình bày ước tính tổng giá trị tài sản chung là 880.000.000đồng là không đúng. Chị xác định vợ chồng chỉ có tài sản chung tổng cộng là 60.000.000đồng chị đồng ý chia cho anh T 45.000.000đồng và các vật dụng trong nhà anh T thích lấy gì thì chị đồng ý.

Về công nợ chung:

- Vợ chồng chị có nợ mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị Thanh B 03 chỉ vàng tương đương 10.000.000đồng và chị Thân Thị Thủy L (em gái chị) 20.000.000đồng, chị đề nghị chia đôi.

- Vợ chồng có cho vợ chồng anh Ngô Xuân Đ (anh trai anh T) vay 07 chỉ vàng tương đương 24.000.000đồng, chị yêu cầu vợ chồng anh Đ phải trả mỗi vợ chồng chị một nửa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thân Đức Y và Bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Nguyên vọng của gia đình là mong muốn các con về đoàn tụ, để cháu của ông bà có đầy đủ gia đình cả bố và mẹ. Về phần tài sản chung của hai vợ chồng, anh T ghi tài sản chung của anh T, chị P là căn nhà 02 tầng diện tích 97m² là sai sự thật. Căn nhà 02 tầng diện tích 89m² do vợ chồng ông bà làm năm 2011, tặng riêng cho con gái là Thân Thị P, toàn bộ chi phí làm nhà do ông bà chi trả, trong quá trình làm nhà anh T, chị P chỉ đóng góp 30.000.000đồng tiền sơn nhà, ngoài ra không đóng góp thêm bất cứ tài sản và công lao gì khác. Trước đó, anh T chị P ở tại tập thể công ty MBG, đến tháng 08/2011 khi ông bà xây xong nhà thì anh T, chị P chuyển về ở nhà ông, bà xây cho. Đến tháng 7/2015 thì gia đình ông bà làm hợp đồng tặng cho chị P toàn bộ diện tích đất và nhà 03 tầng trên đất và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị P. Do vậy, anh T yêu cầu chia tài sản chung với chị P là nhà 03 tầng ông bà không đồng ý vì đây là tài sản thuộc sở hữu của vợ chồng ông bà không phải của anh T, chị P và ông, bà cho riêng chị P sở hữu, sử dụng. Vợ chồng anh T, chị P có vay của ông, bà 03 chỉ vàng tương đương 10.000.000đồng, ông bà yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm trả. Ngoài ra, khoảng tháng 5/2015 ông, bà đưa cho anh T 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng để mua điều hòa, lắp cửa kính, ông bà yêu cầu anh T, chị P phải có trách nhiệm mỗi người trả một nửa. Ngày 19/01/2017 ông, bà xin rút yêu cầu buộc anh T, chị P phải trả cho 05 chỉ vàng đã đưa cho anh T mua điều hòa vì không có giấy tờ gì.

2. Anh Nguyễn Hồng H trình bày: Về tài sản chung anh T yêu cầu chia là căn nhà 03 tầng trên đất của bố mẹ anh, đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh T mà là tài sản của gia đình anh gồm bố mẹ anh và 03 anh chị em. Gia đình anh đã thống nhất cho riêng em gái anh là Thân Thị P toàn bộ quyền sử dụng đất và ngôi nhà đều do bố mẹ anh đầu tư, xây dựng. Sau này, thấy em P sống khó khăn quá là anh em ruột thịt trong gia đình nên gia đình anh cho riêng em gái anh. Gia đình anh cũng đã làm các thủ tục tặng cho, hợp đồng công chứng, đăng ký sang tên riêng tài sản này cho chị P.

3. Chị Thân Thị Thủy L trình bày: Về tài sản là căn nhà trên đất mà anh T yêu cầu chia, đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh T mà đây là tài sản của bố mẹ, anh chị em trong gia đình chị thống nhất cho riêng chị P việc này đã được làm thủ tục ở cơ quan nhà nước và đã cấp sổ đỏ cho riêng chị P, nay anh T yêu cầu chia tài sản chung ngôi nhà này chị không đồng ý. Về khoản nợ mà vợ

chồng anh T, chị P có nợ chị 20.000.000đồng chị đề nghị khi ly hôn anh T, chị P phải trả lại cho chị một lần, đầy đủ số tiền này.

4. Anh Ngô Xuân Đ trình bày: Anh có vay 07 chỉ vàng tương đương 24.000.000đồng của anh T và chị P, khi vay vợ anh là Nguyễn Thị Hương U có biết việc này và là người nhận tiền, vợ chồng anh vay mục đích để làm nhà, anh đề nghị cho thêm thời gian để về làm việc lại với anh T xong anh có ý kiến sau. Nếu anh T yêu cầu trong vụ án này, anh đồng ý thỏa thuận của hai bên, đến nay anh không thấy chị P có yêu cầu gì.

5. Chị U (Vợ anh Đ) đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc.

Ngày 20/12/2016 Anh Ngô Tiến T có đơn yêu cầu định giá và xem xét, thẩm định tài sản đối với các tài sản anh đang yêu cầu chia.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 21/2/2017 Hội đồng định giá đã định giá những tài sản sau:

I. Nhà 02 tầng + chống nóng áp nhà cấp IV, loại 2, tính 80%

- Diện tích đồ trần và ban công + ô văng: $173,42\text{m}^2 \times 3.487.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 80\% = 483.772.000\text{đồng}$

- Diện tích lợp mái Fibơximăng chống nóng: Áp nhà bán mái, tính 80%.
Diện tích $77,35\text{m}^2 \times 138.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 80\% = 8.539.000\text{đồng}$.

II. Tài sản đã qua sử dụng:

- Điều hòa Panasonic: 01 chiếc có giá là 4.000.000đồng.

- Tivi nhãn hiệu Sony 43 inch: 01 chiếc có giá là 6.000.000đồng.

- Máy giặt nhãn hiệu Sony: 01 chiếc có giá là 1.500.000đồng.

Cộng (I + II): 504.311.000đồng.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Việt Nam (đã qua sử dụng) tại thời điểm định giá không có chiếc SH nên Hội đồng định giá không định giá.

Đối với 01 bộ bàn ghế do anh T rút yêu cầu chia và không yêu cầu định giá nên Hội đồng định giá không tiến hành định giá. Ngoài ra, anh T không yêu cầu chia và không yêu cầu định giá tài sản nào khác.

Ngày 28/02/2017 và ngày 06/3/2017 Anh Ngô Tiến T có đơn đề nghị yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe SH giữa chị P và Chị Thân Thị Thủy L, trả lại chiếc xe cho chị P, anh xin nhận xe và trích chia cho chị P trị giá bằng tiền

Ngày 28/02/2017 và ngày 10/3/2017 Chị Thân Thị Thủy L có bản tự khai trình bày: Tháng 4/2016 Chị Thân Thị P nằm viện chữa trị, phẫu thuật (mổ u tuyến giáp) tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Do bệnh tật, nằm viện chồng không quan tâm, không có tiền chữa bệnh đóng viện phí, nuôi con. Chị P có bán cho chị chiếc xe SH với giá 30.000.000đồng để lấy tiền chữa bệnh, đóng viện phí và đóng học cho con. Vì muốn giúp đỡ chị gái nên chị đã mua lại chiếc xe của chị P và đến

đầu tháng 9/2016 khi đã ra viện, bệnh tình ổn định chị P đã làm thủ tục sang tên chiếc xe cho chị. Nay chị không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe của anh T và đề nghị Tòa án không hòa giải về vấn đề này.

Ngày 08/3/2017 anh T, chị P, chị L có văn bản thỏa thuận với nội dung không đề nghị Tòa án thành lập hội đồng định giá đối với chiếc xe SH và các bên thống nhất thỏa thuận giá của chiếc xe nhãn hiệu Honda SH BKS 98B1 956.26 (đã qua sử dụng) có giá là 55.000.000đồng, các bên cam kết việc thỏa thuận giá như trên không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước. Đề nghị Tòa án lấy mức giá này để xem xét giải quyết đối với chiếc xe máy đang có tranh chấp.

Tại phiên toà sơ thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị P, đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh đề nghị chia cho anh một nửa giá trị tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng tại Thôn PT, yêu cầu được nhận chiếc xe SH, trích chia cho chị P một nửa giá trị bằng tiền, yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi và lợi tức cổ phần năm 2016 của chị P tại Công ty MBG, các tài sản trong nhà đã định giá đề nghị được nhận bằng hiện vật, trích chia cho chị P bằng tiền. Yêu cầu hủy giao dịch mua bán xe SH giữa chị P và chị Thân Thị Thủy L, yêu cầu hủy giao dịch bán cổ phần phổ thông của chị P năm 2016. Về công nợ chung đề nghị chia đôi.

Chị P giữ nguyên quan điểm trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh T vì xác định tình cảm không còn. Về con chung chị đề nghị giao con cho chị nuôi dưỡng, trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn anh T đã tự ý chuyển trường cho con về quê anh T ở, không hỏi ý kiến của chị, cũng không xem xét đến điều kiện học hành của con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung là ngôi nhà chị không đồng ý chia, vì đây là tài sản của bố mẹ cho cá nhân chị. Về đồ dùng vật dụng trong nhà chị đồng ý chia cho anh T một nửa giá trị tài sản bằng tiền. Đối với chiếc xe máy SH anh T yêu cầu tuyên bố giao dịch mua bán xe giữa chị và chị L vô hiệu chị không đồng ý, vì đây là tài sản chị mua bằng tiền của cá nhân, do khó khăn trong việc chữa bệnh và nuôi con ăn học, trong khi anh T không quan tâm gì đến sự sống chết của mẹ con chị, nên chị mới phải bán đi để chi tiêu, sinh hoạt. Hiện nay, chiếc xe máy không còn nên chị không đồng ý chia. Đối với tài sản chung là cổ phần ưu đãi hoàn lại chị đồng ý chia cho anh T 5.000.000đồng vì đây là công sức phấn đấu của chị mới có số cổ phần này. Đối với cổ phần phổ thông vợ chồng đã thỏa thuận bán từ tháng 8/2016 nên chị không đồng ý chia. Về nghĩa vụ chung về tài sản, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với khoản nợ của anh Đ và chị U chị yêu cầu anh Đ và chị U phải trả cho chị và anh T mỗi người một nửa khoản nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Thanh B, trình bày: Bà xác định toàn bộ đất và tài sản trên đất anh T yêu cầu chia là thuộc sở hữu của vợ chồng bà, đã cho chị P, gia đình ông bà không đồng ý với yêu cầu chia của anh T về nhà và đất. Anh T, chị P có nợ bà 03 chỉ vàng tương đương với 10.000.000đồng. Nay bà đề nghị buộc anh T phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 5.000.000đồng, phần của chị P bà cho chị P, không yêu cầu chị P phải trả.

Chị Thân Thị Thủy L trình bày: Chị không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với nhà 03 tầng của gia đình chị, yêu cầu buộc anh T phải trả chị $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 10.000.000đồng, phần nợ của chị P chị cho chị P, không yêu cầu chị P phải trả. Về yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa chị và chị P chị không đồng ý, giấy đăng ký xe đã mang tên chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T về ly hôn, giao con chung cho anh T nuôi dưỡng vì anh T nuôi sẽ phù hợp hơn. Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T buộc chị P phải chia cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà bằng tiền mặt. Đề nghị xác nhận tài sản là cổ phần, xe máy SH, vật dụng trong nhà là tài sản chung, cần chia cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Cụ thể: Yêu cầu hủy giao dịch mua bán xe giữa chị P và chị L chia cho anh T được nhận xe, anh T có trách nhiệm trích trả cho chị Phuong giá trị bằng tiền, hủy giao dịch mua bán cổ phần phổ thông, yêu cầu chia cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần phổ thông là 21.000.000đồng bằng tiền mặt, chia cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị cổ phần ưu đãi là 25.000.000đồng, chia đôi số tiền lợi tức năm 2016 tại công ty MBG. Về tài sản đã qua sử dụng yêu cầu chia cho anh T được nhận, anh T sẽ trả chị P giá trị bằng tiền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P. Về con chung đề nghị giao cháu A cho chị P nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, buộc anh T phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản: đề nghị không chấp nhận yêu cầu của anh T về chia tài sản chung là ngôi nhà tại Thôn PT. Về xe SH, pháp luật công nhận chủ sở hữu là cá nhân đăng ký xe, đề nghị công nhận giao dịch mua bán xe giữa chị P và chị L, chị P bán xe phục vụ vào mục đích chi tiêu chung trong gia đình, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia của anh T. Đối với cổ phần phổ thông, theo luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty MBG đã quy định chỉ những người có cổ phần trong công ty mới được phép chuyển nhượng cổ phần, việc chị P có cổ phần và chuyển nhượng cổ phần là đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia của anh T. Đối với cổ phần ưu đãi hoàn lại, đây là công sức của chị P phấn đấu mới có, nên đồng ý với việc chị P trích chia cho anh T 5.000.000đồng. Đối với các tài sản trong nhà đề nghị giao cho chị P tiếp tục sử dụng. Về lợi tức năm 2016, trong quá trình giải quyết vụ án anh T

không yêu cầu sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T mới yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Đối với đề nghị giao dịch chuyển nhượng cổ phần của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác yêu cầu này.

Với nội dung trên bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DSST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Xử: Quyết định:

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 27; Điều 37; Điều 43; Điều 44; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 121; Điều 138; Điều 162; Điều 181; Điều 197; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 217; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6, 7, 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Ngô Tiến T và Chị Thân Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Tuấn A, sinh ngày 22/12/2004 cho Chị Thân Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với ngôi nhà 02 tầng và 01tầng chống nóng tại địa chỉ Thôn PT, xã SM, thành phố BG, diện tích 88,6 m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhận tặng cho đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH01675/QQĐ số 2578/QĐ-UBND Q.09T91 mang tên Thân Thị P. Buộc Chị Thân Thị P phải trích chia công sức đóng góp, công sức bảo quản, duy trì tài sản cho anh T số tiền là 50.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với các tài sản đã qua sử dụng, giao cho Chị Thân Thị P sở hữu, sử dụng đối với các tài sản sau: Điều hòa Panasonic, Tivi nhãn hiệu Sony 43 inch, Máy giặt nhãn hiệu Sony (đều đã qua sử dụng). Buộc chị P phải trả cho anh T trị giá một nửa số tài sản trên là 6.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với số cổ phần ưu đãi hoàn lại trị giá 50.000.000đồng, buộc chị P phải trích chia cho anh T số tiền 25.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với chiếc xe máy Honda SH Việt Nam, buộc chị P phải trích chia cho Anh Ngô Tiến T một 1/2 giá trị chiếc xe máy là 27.500.000đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Anh Ngô Tiến T về việc tuyên hủy giao dịch mua bán chiếc xe máy Honda SH Việt Nam giữa Chị Thân Thị P và Chị Thân Thị Thủy L.

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với cổ phần phổ thông trị giá 42.360.000đồng.

Tổng cộng, số tiền Chị Thân Thị P phải trích chia cho anh T là: 108.500.000đồng (Một trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Ngô Tiến Đoàn và chị U phải liên đới trả cho Anh Ngô Tiến T số tiền 12.000.000đồng và phải trả cho Chị Thân Thị P số tiền 12.000.000đồng.

4. Nghĩa vụ chung về tài sản:

- Buộc Anh Ngô Tiến T phải trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh B số tiền 5.000.000đồng và phải trả cho chị Thân Thị Thủy L số tiền 10.000.000đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh B về việc đòi Chị Thân Thị P số tiền 5.000.000đồng.

- Đình chỉ yêu cầu của Chị Thân Thị Thủy L về việc đòi Chị Thân Thị P số tiền 10.000.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự. Ngày 05/5/2017 Anh Ngô Tiến T là Nguyên đơn kháng cáo, ngày 08/5/2017 anh T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo:

- Đề nghị được nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Tuấn A.

- Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét việc Toà sơ thẩm không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của anh liên quan tới việc xác minh thông tin về số tiền cổ tức năm 2016 mà Công ty cổ phần MBG thanh toán cho chị P.

- Đề nghị xác định cổ phần (bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần phổ thông) mang tên Chị Thân Thị P tại Công ty cổ phần MBG là tài sản chung và phân chia theo luật định.

- Đề nghị giải quyết tài sản chung xác định ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng chia mỗi bên một nửa. Anh xin nhận bằng tiền tương đương 50% giá trị ngôi nhà.

- Yêu cầu huỷ giao dịch mua bán xe máy SH giữa Chị Thân Thị P với chị Thân Thị Thuỷ L. Anh đề nghị được nhận xe và trích chia cho chị P một nửa giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Ngô Tiến T là Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Anh Ngô Tiến T rút một phần kháng cáo với nội dung yêu cầu huỷ giao dịch mua bán xe máy SH giữa Chị Thân Thị P với chị Thân Thị Thuỷ L. Anh đề nghị được nhận xe và trích chia cho chị P một nửa giá trị. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ngô Thế O đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Anh Ngô Tiến T, giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của Anh Ngô Tiến T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Ngô Tiến T tự nguyện rút một phần nội dung kháng cáo về yêu cầu huỷ giao dịch mua bán xe máy SH giữa Chị Thân Thị P với chị Thân Thị Thuỷ L. Anh đề nghị được nhận xe và trích chia cho chị P một nửa giá trị. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung kháng cáo này của anh T.

Về quan hệ vợ chồng Anh Ngô Tiến T, Chị Thân Thị P không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét các nội dung kháng cáo còn lại của Anh Ngô Tiến T, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với kháng cáo của anh T đề nghị được nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Tuấn A thì thấy: Anh Ngô Tiến T và Chị Thân Thị P kết hôn ngày 23/4/2004, đến nay vợ chồng xác định có 01 con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 22/12/2004. Trước khi ly hôn cháu A đang ở cùng với chị P, học tập tại trường THCS xã SM,

cháu phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, trong quá trình giải quyết vụ án anh T chuyển trường cho cháu A học tại trường THCS Ngọc Lý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi lời khai của cháu Ngô Tuấn A, cháu Anh trình bày: Cháu mong bố rút đơn để bố mẹ về đoàn tụ, nếu buộc phải ở với bố hay với mẹ thì cháu mong được ở với bố. Xét thấy, cả anh T và chị P đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, mặc dù cháu A có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, cháu là con duy nhất của anh T, chị P, hiện nay chị P không có khả năng sinh con. Từ trước đến nay, cháu vẫn sinh sống với chị P và học tập ổn định tại SM. Từ khi anh T có đơn ly hôn, theo xác nhận của Trường THCS xã SM thì anh T tự ý cho con nghỉ học (từ ngày 08/2/2017 đến ngày 28/02/2017), chuyển trường cho cháu A về trường THCS Ngọc Lý. Trường THCS Ngọc Lý xác nhận từ khi cháu A chuyển trường về Ngọc Lý anh T chưa có đóng góp gì cho con với nhà trường. Ngày 24/3/2017 chị P đã đến trường hoàn thành các khoản đóng góp cho cháu theo quy định. Công an xã NL xác nhận anh T không có hộ khẩu thường trú tại Ngọc Lý, đang ở nhờ nhà mẹ đẻ. Hội phụ nữ xã SM cũng có công văn đề nghị Tòa án giao con cho chị P. Do vậy, cần giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng để có thể đảm bảo ổn định cuộc sống, việc học tập và cho cháu A sự phát triển tốt nhất theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và để bảo đảm việc ưu tiên quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

Đối với kháng cáo của anh T đề nghị chia ngôi nhà 02 tầng và 01 chống nóng tại địa chỉ Thôn PT, xã SM, thành phố BG được xây dựng trên đất của hộ Bà Nguyễn Thị Thanh B. Anh T cho rằng đây là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân mà anh và chị P là chủ đầu tư. Anh T có cung cấp cho Tòa án một số xác nhận của những người cho vay nợ, những người thợ xây dựng công trình nhưng tất cả những xác nhận này đều là xác nhận sau khi anh T đã khởi kiện tại Tòa án. Về phía bà Bình cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà là người đứng ra thuê thợ, mua vật liệu xây dựng. Anh T, chị P ở tập thể công ty MBG đến năm 2011 sau khi ngôi nhà đi vào hoàn thiện thì mới chuyển về ở. Đến năm 2015 gia đình bà Bình đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ đất và tài sản trên đất cho cá nhân chị P. Hợp đồng đã được công chứng, chứng thực và chị P đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Do vậy, xác định ngôi nhà trên đất tại địa chỉ Thôn PT, xã SM, thành phố BG không phải là tài sản chung của anh T, chị P mà chị P đã được tặng cho riêng, là tài sản riêng của chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, đây không phải là tài sản chung nhưng trong quá trình gia đình bà Bình xây dựng ngôi nhà anh T, chị P có đóng góp một khoản tiền để sơn nhà là 30.000.000đồng nên cần xem xét trích chia một phần công sức và trích chia công sức tôn tạo, bảo quản tài sản cho anh T. Toà sơ thẩm xử chị P phải trích chia cho anh T số tiền là: 50.000.000đồng là có căn cứ.

Đối với kháng cáo về yêu cầu chia cổ phần phổ thông của anh T: Chị P và công ty MBG xác nhận đến hết năm 2015 chị có sở hữu 4263 cổ phần tương ứng với 42.630.000đồng. Đến khoảng tháng 8/2016 do cần tiền chi tiêu sinh hoạt gia đình chị và anh T đã thỏa thuận bán số cổ phần trên để sinh hoạt chung gia đình và chữa bệnh. Anh T xác nhận vợ chồng ly thân từ ngày 06/9/2016. Vậy, việc chị P bán cổ phần trong thời gian vợ chồng chưa ly thân và đã sử dụng và mục đích chi tiêu trong gia đình, hiện nay số cổ phần này không còn nên không có căn cứ để chia.

Về yêu cầu của anh T ngày đề nghị Tòa án đi xác nhận thông tin về thời điểm chị P thực hiện việc góp vốn, mua cổ phần vào Công ty MBG, xác nhận thông tin về số tiền lợi tức mà chị P được hưởng năm 2016, số tiền chị P đã nhận, chưa được nhận, lý do chưa nhận, Hội đồng xét xử nhận thấy: Số tiền lợi tức chị P được hưởng năm 2016, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu chia, sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T mới yêu cầu xác minh. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của anh T nên anh T phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 27; Điều 37; Điều 43; Điều 44; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 121; Điều 138; Điều 162; Điều 181; Điều 197; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Anh Ngô Tiến T về yêu cầu huỷ giao dịch mua bán xe máy SH giữa Chị Thân Thị P với chị Thân Thị Thủy L. Đề nghị được nhận xe và trích chia cho chị P một nửa giá trị.

Không chấp nhận kháng cáo của Anh Ngô Tiến T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về con chung: Giao cháu Ngô Tuấn A, sinh ngày 22/12/2004 cho Chị Thân Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về tài sản chung:

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với ngôi nhà 02 tầng và 01 tầng chống nóng tại địa chỉ Thôn PT, xã SM, thành phố BG, diện tích 88,6 m², hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhận tặng cho đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH01675/QQĐ số 2578/QĐ-UBND Q.09T91 mang tên Thân Thị P. Buộc Chị Thân Thị P phải trích chia công sức đóng góp, công sức bảo quản, duy trì tài sản cho anh T số tiền là 50.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với các tài sản đã qua sử dụng, giao cho Chị Thân Thị P sở hữu, sử dụng đối với các tài sản sau: Điều hòa Panasonic, Tivi nhãn hiệu Sony 43 inch, Máy giặt nhãn hiệu Sony (đều đã qua sử dụng). Buộc chị P phải trả cho anh T trị giá một nửa số tài sản trên là 6.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với số cổ phần ưu đãi hoàn lại trị giá 50.000.000đồng, buộc chị P phải trích chia cho anh T số tiền 25.000.000đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với chiếc xe máy Honda SH Việt Nam, buộc chị P phải trích chia cho Anh Ngô Tiến T một 1/2 giá trị chiếc xe máy là 27.500.000đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Anh Ngô Tiến T về việc tuyên huỷ giao dịch mua bán chiếc xe máy Honda SH Việt Nam giữa Chị Thân Thị P và Chị Thân Thị Thủy L.

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với cổ phần phổ thông trị giá 42.360.000đồng.

Tổng cộng, số tiền Chị Thân Thị P phải trích chia cho anh T là: 108.500.000đồng (Một trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Anh Ngô Tiến T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2012/06230 ngày 08/5/2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố BG;
- Chi cục THDS thành phố BG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương